

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **102 /2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-12-2022
V/v tranh chấp: “Không công nhận
là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1088A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc X**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Thái H**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà X, ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Thái H chung sống vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông H không quan tâm vợ con, thường xuyên chửi bới xúc phạm danh dự nhân phẩm bà X nhiều lần bà X khuyên ngăn và có chính quyền địa phương nhưng

ông H không thay đổi mà ngày càng nghiêm trọng. Ông bà đã không chung sống với nhau khoảng 10 năm. Nay xác định tình cảm không còn nên bà X đề nghị Tòa án xét xử không công nhận bà và ông H là vợ chồng do chung sống không có đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Bà X, ông H có 03 con chung là Hoàng Thị Xuân H, sinh ngày 05/3/1994; Hoàng Thị Tú T, sinh ngày: 16/8/1996 và Hoàng Minh T, sinh ngày 09/09/1997. Do các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông Hoàng Thái H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà X chung sống vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp đôi lúc có cãi nhau. Hiện nay, ông và bà X đã không chung sống cùng nhau được khoảng 10 năm. Tuy nhiên nay bà X đề nghị Tòa án xét xử không công nhận ông và bà X là vợ chồng do chung sống không có đăng ký kết hôn, ông không đồng ý.

- Về con chung: Bà X, ông H có 03 con chung là Hoàng Thị Xuân H, sinh ngày 05/3/1994; Hoàng Thị Tú T, sinh ngày: 16/8/1996 và Hoàng Minh T, sinh ngày 09/09/1997. Do các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Vào năm 1993 bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Hoàng Thái H tự nguyện chung sống nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân được khoảng 02 năm nay. Nay bà X yêu cầu giải quyết không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bà X, ông H có mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc X yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Hoàng Thái H. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 10/11/2022 thì ông H có thường trú tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

+ Quan hệ pháp luật được xác định “Không công nhận là vợ chồng”.

+ Tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc X, bị đơn là ông Hoàng Thái H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc X khai bà chung sống với ông Hoàng Thái H vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Lời khai của bà X được ông H thừa nhận, phù hợp với giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã P và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai ngày 10/11/2022.

Xét thấy việc bà X và ông H chung sống vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Nay bà X yêu cầu không công nhận bà và ông H là vợ chồng, ông H không đồng ý. Bà X, ông H đều thừa nhận đã không còn chung sống với nhau khoảng 10 năm nay. Nhận thấy rằng, tình cảm hai bên bị chia cách, kinh tế không còn phụ thuộc vào nhau do vậy xét yêu cầu của bà X là phù hợp quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà X và ông H khai có 03 con chung là Hoàng Thị Xuân H, sinh ngày 05/3/1994; Hoàng Thị Tú T, sinh ngày: 16/8/1996 và Hoàng Minh T, sinh ngày 09/09/1997. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Tài sản chung: Bà X, ông H khai không có nên không xem xét

[6]. Về nợ chung: Bà X, ông H khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà X phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 157, 220, 227, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X về việc “Không công nhận là vợ chồng” đối với bị đơn ông Hoàng Thái H.

1. Xử: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Hoàng Thái H là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008428 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bà X đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Tiến Nghĩa